

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

**Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đống Đa-Hà Nội**

---



**ISO 9001: 2008**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017**

**Hà Nội T10- 2017**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
<b>A – Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>879,052,156,677</b>	<b>802,640,135,667</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>175,805,182,428</b>	<b>177,548,165,322</b>
1. Tiền	111	V.1	147,655,182,428	156,499,159,717
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	28,150,000,000	21,049,005,605
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>667,791,000</b>	<b>1,178,270,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	731,612,000	1,178,270,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2a	(63,821,000)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>274,830,246,103</b>	<b>269,943,463,267</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	170,233,172,896	196,438,173,625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		65,468,312,870	41,690,358,184
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	200,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	45,261,395,208	36,692,398,109
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(6,154,574,309)	(5,330,934,860)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		21,939,438	253,468,209
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>421,842,693,562</b>	<b>344,275,927,522</b>
1. Hàng tồn kho	141		432,025,317,017	347,520,644,620
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(10,182,623,455)	(3,244,717,098)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,906,243,584</b>	<b>9,694,309,556</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	3,040,132,058	6,492,786,105
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,841,994,042	3,177,405,967
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		24,117,484	24,117,484
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>667,274,903,133</b>	<b>683,890,214,289</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>441,191,253,350</b>	<b>436,003,538,712</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	230,438,782,204	224,359,917,589
- Nguyên giá	222		402,474,826,188	376,088,347,491
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(172,036,043,984)	(151,728,429,902)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	210,752,471,146	211,643,621,123
- Nguyên giá	228		230,275,691,187	228,095,541,187
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19,523,220,041)	(16,451,920,064)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14,712,796,259</b>	<b>14,557,490,626</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,712,796,259	14,557,490,626
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13,333,640,000</b>	<b>13,333,640,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	0	0
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13,333,640,000	13,333,640,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>198,037,213,524</b>	<b>219,995,544,951</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11,400,095,201	11,784,204,532
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,191,737,549	4,173,898,471
3. Lợi thế thương mại	269		184,445,380,774	204,037,441,948
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,546,327,059,810</b>	<b>1,486,530,349,956</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>369,497,414,095</b>	<b>400,854,685,080</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>334,137,466,213</b>	<b>358,186,726,380</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	69,781,255,318	83,679,436,281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,982,854,731	45,500,445,324
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6,361,404,577	14,497,207,243
4. Phải trả người lao động	314		22,849,806,078	30,954,602,763
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6,393,642,354	5,160,036,059
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		273,434,000	70,730,000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	92,839,261,138	38,003,779,691
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	101,217,070,980	123,225,506,839
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25,438,737,037	17,094,982,180
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35,359,947,882</b>	<b>42,667,958,700</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1,690,586,542	1,048,438,705
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	7,762,735,950
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		33,669,361,340	33,856,784,045
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>1,176,829,645,715</b>	<b>1,085,675,664,876</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,176,829,645,715</b>	<b>1,085,675,664,876</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	411a		152,950,000,000	152,950,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331,245,527,850	331,245,527,850
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(40,000,000)	(40,000,000)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	310,876,807,373	266,787,107,432
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	165,206,228,499	139,897,046,908
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35,931,740,515	(11,645,545,478)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		129,274,487,984	151,542,592,386
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		216,591,081,993	194,835,982,686
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,546,327,059,810</b>	<b>1,486,530,349,956</b>

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	259,136,377,980	240,451,061,202	1,055,427,557,620	984,697,420,049
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		18,862,801,599	25,211,883,367	76,112,237,962	89,717,352,085
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>240,273,576,381</b>	<b>215,239,177,835</b>	<b>979,315,319,658</b>	<b>894,980,067,964</b>
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.4	139,593,708,144	132,358,108,846	632,119,433,753	581,852,733,138
<b>5 Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>100,679,868,237</b>	<b>82,881,068,989</b>	<b>347,195,885,905</b>	<b>313,127,334,826</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	307,797,476	3,099,551,575	7,401,591,147	6,195,659,813
7 Chi phí tài chính	22		2,189,026,138	2,541,452,418	12,522,998,043	13,958,003,589
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		64,394,622	2,448,258,416	4,377,726,636	10,089,264,840
8 Chi phí bán hàng	25		17,391,619,424	18,595,471,664	76,996,515,159	78,132,013,422
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		33,336,009,390	23,494,950,102	109,172,996,314	94,477,680,356
<b>10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>48,071,010,761</b>	<b>41,348,746,381</b>	<b>155,904,967,536</b>	<b>132,755,297,273</b>
11 Thu nhập khác	31	VI.6	1,026,075,379	403,020,607	3,307,812,367	1,754,821,911
12 Chi phí khác	32		1,347,271,535	265,073,469	3,291,492,063	374,128,947
<b>13 Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>(321,196,156)</b>	<b>137,947,138</b>	<b>16,320,304</b>	<b>1,380,692,964</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>47,749,814,605</b>	<b>41,486,693,519</b>	<b>155,921,287,840</b>	<b>134,135,990,237</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3,759,443,704	6,850,024,570	11,544,344,859	13,022,410,804
17 (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(65,257,314)	(393,928,239)	1,794,738,217	1,431,289,470
<b>18 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>44,055,628,215</b>	<b>35,030,597,188</b>	<b>142,582,204,765</b>	<b>119,682,289,963</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	61		37,762,658,116	31,557,787,500	128,183,619,788	107,082,433,550
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	62		6,292,970,099	3,547,515,735	14,398,584,977	12,599,856,413
19 Lãi trên cổ phiếu [đối với công ty cổ phần] [1]	70		2,470	2,065	8,386	7,005
- Lãi cơ bản			2,470	2,065	8,386	7,005
- Lãi suy giảm						

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	975,202,839,483	943,930,704,990
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(714,225,657,257)	(518,121,937,770)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(92,016,303,169)	(102,102,178,268)
Tiền lãi vay đã trả	4	(5,745,983,880)	(9,948,786,353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(15,994,398,876)	(10,289,568,283)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	230,795,582,354	46,771,072,205
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(278,825,810,289)	(135,708,246,301)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>99,190,268,366</b>	<b>214,531,060,220</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(31,588,689,719)	(19,692,680,179)
Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	22	-	-
Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	612,750,000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(743,440,900)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,078,286,835	23,004,765,863
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(24,641,093,784)</b>	<b>3,312,085,684</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(20,000,000)
Tiền thu từ đi vay	33	180,009,280,280	186,510,276,188
Tiền trả nợ gốc vay	34	(209,780,452,089)	(332,066,901,812)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46,581,834,000)	(61,553,728,650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(76,353,005,809)</b>	<b>(207,130,354,274)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1,803,831,227)</b>	<b>10,712,791,630</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>177,548,165,322</b>	<b>68,677,496,884</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>60,848,333</b>	<b>(6,451,414)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>175,805,182,428</b>	<b>79,383,837,100</b>

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2017



Trần Kim Liên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

**2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.**

**3. Ngành nghề kinh doanh.**

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Hà Nội	Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn 2, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

➤ Đến ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên công ty</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động chính trong kỳ</b>
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,61%	61,61%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An (*)	43,13%	70%	Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51,59%	83,74%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	71,60%	71,60%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

➤ Đến ngày 30/09/2017 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 685 người.

**➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- |                           |                |
|---------------------------|----------------|
| - Bà Trần Kim Liên        | - Chủ tịch     |
| - Bà Lê Thị Lệ Hằng       | - Phó chủ tịch |
| - Ông Trần Đình Long      | - Thành viên   |
| - Ông Đỗ Bá Vọng          | - Thành Viên   |
| - Bà Nguyễn Thị Trà My    | - Thành viên   |
| - Ông Nguyễn Khắc Hải     | - Thành viên   |
| - Ông Nguyễn Quang Trường | - Thành viên   |

**➤ BAN KIỂM SOÁT**

- |                          |              |
|--------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Khánh Quỳnh | - Trưởng ban |
| - Ông Đỗ Tiến Sỹ         | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn    | - Thành viên |

**➤ BAN GIÁM ĐỐC**

- |                           |                     |
|---------------------------|---------------------|
| - Bà Trần Kim Liên        | - Tổng Giám đốc     |
| - Ông Đỗ Bá Vọng          | - Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Phạm Ngọc Lý        | - Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Hải Thọ      | - Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Phạm Trung Dũng     | - Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Quang Trường | - Phó Tổng giám đốc |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền  
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.  
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phí phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

<b>Loại tài sản cố định:</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

**18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 trở đi đạt 70% tổng doanh thu. Năm 2017 là năm thứ 7 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 20%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ **Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.**

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:** Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

➤ **Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

- Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	30/09/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	5,641,673,006	10,381,161,036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	142,013,509,422	146,117,998,681
Các khoản tương đương tiền	28,150,000,000	21,049,005,605
<b>Cộng</b>	<b>175,805,182,428</b>	<b>177,548,165,322</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a.Chứng khoán kinh doanh.**

	30/09/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu						
	731,612,000	667,791,000	(63,821,000)	1,178,270,000	1,178,270,000	-
Công ty CP cảng rau quả (VGP)						
	731,612,000	667,791,000	(63,821,000)	1,178,270,000	1,178,270,000	-

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30/09/2017		01/01/2017	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	306,080	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450,100	90.02%	450.100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,237,050	61.61%	9,219,130	61.49%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	3,580,000	71.60%	1,779,193	35.58%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	99,938	10.03%	99,938	10.03%



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

	30/09/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào đơn vị khác Công ty CP Giống cây trồng Thái Bình	13,333,640,000			13,333,640,000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**3. Phải thu của khách hàng**

Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/09/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Tổng phải thu của khách hàng, trong đó các khách hàng dư nợ lớn:		
- Cục Trồng Trọt	-	45,906,539,123
- Công ty CP Giống cây trồng Điện Biên	12,120,420,000	
- Phải thu các đối tượng khác	158,112,752,896	150,531,634,502
<b>Cộng</b>	<b>170,233,172,896</b>	<b>196,438,173,625</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(6,154,574,309)	(5,330,934,860)

**4. Trả trước cho người bán**

	30/09/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Trả trước nhà thầu xây dựng, cung cấp máy móc	25,250,601,820	
Trả trước cho nhà cung cấp khác	40,217,711,050	41,690,358,184
<b>Cộng</b>	<b>65,468,312,870</b>	<b>41,690,358,184</b>

**5. Phải thu khác**

	30/09/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng đầu tư	12,715,380,000		12,715,380,000	
Tạm ứng cho CBCNV và CN khoán 01	22,014,253,979		15,416,882,184	
Phải thu dự án	5,356,750,523		3,868,042,912	
Thuê đặt cọc văn phòng	776,116,230		776,116,230	
Phải thu khác	4,398,894,476		3,915,976,783	
<b>Cộng</b>	<b>45,261,395,208</b>		<b>36,692,398,109</b>	

**6. Nợ xấu**

	30/09/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	<b>6,154,574,309</b>		<b>5,330,934,860</b>	
- Khách hàng khác	6,154,574,309		5,330,934,860	

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**7. Hàng tồn kho**

	<b>30/09/2017 (VND)</b>		<b>01/01/2017 (VND)</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	40,290,443,058		117,448,710,224	
Công cụ, dụng cụ	1,415,524,676		1,848,838,114	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7,567,094,357		10,092,726,439	
Thành phẩm	368,167,239,424	(10,182,623,455)	178,030,952,936	(3,244,717,098)
Hàng hoá	14,585,015,502		40,099,416,907	
Hàng gửi bán	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>432,025,317,017</b>	<b>(10,182,623,455)</b>	<b>347,520,644,620</b>	<b>(3,244,717,098)</b>

**Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<b>30/09/2017 (VND)</b>
Số đầu năm	3,244,717,098
Tăng do hợp nhất	-
Tăng dự phòng trong năm	9,872,719,033
Hoàn nhập	2,934,812,676
<b>Cộng</b>	<b>10,182,623,455</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	<b>30/09/2017 (VND)</b>	<b>01/01/2017 (VND)</b>
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:</b>		
Dự án Củ chi	11,903,862,672	11,903,862,672
Dự án Phương Mai	1,019,394,700	2,113,446,664
Mua sắm TSCĐ	-	299,157,990
Công trình khác	1,789,538,887	241,023,300
<b>Cộng</b>	<b>14,712,796,259</b>	<b>14,557,490,626</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	220,347,136,954	115,294,563,042	36,076,962,902	4,369,684,593	-	376,088,347,491
2. Tăng, giảm trong kỳ	-	48,180,000	-	-	-	48,180,000
-Mua trong năm	3,214,143,564	4,970,535,912	4,835,648,800	-	-	13,020,328,276
-Đầu tư XDCB hoàn thành	3,056,439,000	-	-	-	-	3,056,439,000
-Tăng khác	4,378,582,000	90,600,000	2,240,796,695	-	4,901,902,299	11,611,880,994
-Thanh lý, nhượng bán	(108,231,000)	-	(1,242,118,573)	-	-	(1,350,349,573)
3. Số cuối kỳ	230,888,070,518	120,403,878,954	41,911,289,824	4,369,684,593	4,901,902,299	402,474,826,188
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	74,607,753,105	52,903,022,017	22,281,604,791	1,936,049,989	-	151,728,429,902
2. Tăng, giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
-Khấu hao trong kỳ	9,471,567,093	7,961,243,856	2,716,159,037	704,645,531	-	20,853,615,517
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
-Giảm khác	(546,001,435)	-	-	-	-	(546,001,435)
3. Số cuối kỳ	83,533,318,763	60,864,265,873	24,997,763,828	2,640,695,520	-	172,036,043,984
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	145,739,383,849	62,391,541,025	13,795,358,111	2,433,634,604	-	224,359,917,589
2. Tại ngày cuối kỳ	147,354,751,755	59,539,613,081	16,913,525,996	1,728,989,073	4,901,902,299	230,438,782,204

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số đầu năm	214,397,302,363	12,136,600,000	1,561,638,824	228,095,541,187
2. Tăng trong kỳ	-	1,470,000,000	668,150,000	2,138,150,000
- Mua trong năm	-	-	42,000,000	42,000,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
3. Số dư cuối kỳ	214,397,302,363	13,606,600,000	2,271,788,824	230,275,691,187
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số đầu năm	7,641,602,601	8,139,370,847	670,946,616	16,451,920,064
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	1,740,941,386	1,039,500,012	290,858,579	3,071,299,977
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
3. Số dư cuối kỳ	9,382,543,987	9,178,870,859	961,805,195	19,523,220,041
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	<b>206,755,699,762</b>	<b>3,997,229,153</b>	<b>890,692,208</b>	<b>211,643,621,123</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	<b>205,014,758,376</b>	<b>4,427,729,141</b>	<b>1,309,983,629</b>	<b>210,752,471,146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**11. Chi phí trả trước**

	<u>30/09/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3,073,999,951</b>	<b>6,492,786,105</b>
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng	993,544,417	6,492,786,105
Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	
Công cụ, dụng cụ	537,417,087	
Chi phí khác		
<b>b. Chi phí dài hạn</b>	<b>12,342,809,039</b>	<b>11,784,204,532</b>
Chi phí nghiên cứu giống	26,487,680	6,083,106,848
Chi phí sửa chữa cải tạo	1,606,976,516	4,314,939,697
Tiền thuê đất	6,337,856,513	
Công cụ, dụng cụ	1,509,928,351	723,411,919
Chi phí khác	1,884,978,248	662,746,068

**12. Lợi thế thương mại tại ngày 30/09/2017 (VND)**

Khoản mục	HSC	QSC	SSC	Cuối kỳ
<b>1. Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	26,557,087,281	1,911,006,045	232,759,389,035	261,227,482,361
Tăng trong năm				-
Số dư cuối năm	26,557,087,281	1,911,006,045	232,759,389,035	261,227,482,361
<b>2. Khấu hao</b>				
Số dư đầu năm	15,934,252,369	522,894,962	40,732,893,082	57,190,040,413
Tăng trong năm	1,991,781,546	143,325,452	17,456,954,176	19,592,061,173
Số dư cuối năm	17,926,033,915	666,220,414	58,189,847,258	76,782,101,587
<b>3. Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	10,622,834,912	1,388,111,083	192,026,495,953	204,037,441,948
Tại ngày cuối năm	8,631,053,366	1,244,785,631	174,569,541,777	184,445,380,774

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	83,976,780,280	83,976,780,280	87,906,619,964	87,906,619,964
Nợ dài hạn đến hạn trả	17,240,290,700	17,240,290,700	35,318,886,875	35,318,886,875
<b>Cộng ngắn hạn</b>	<b>101,217,070,980</b>	<b>101,217,070,980</b>	<b>123,225,506,839</b>	<b>123,225,506,839</b>
Vay dài hạn	17,240,290,700	17,240,290,700	43,081,622,825	43,081,622,825
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17,240,290,700)	(17,240,290,700)	(35,318,886,875)	(35,318,886,875)
<b>Cộng dài hạn</b>			<b>7,762,735,950</b>	<b>7,762,735,950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**14. Phải trả người bán**

	30/09/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	69,781,255,318	69,781,255,318	83,679,436,281	83,679,436,281
<i>Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc</i>	9,473,529,849	9,473,529,849	27,306,662,831	27,306,662,831
<i>Công ty Giống cây trồng Thịnh Du- Trung Quốc</i>	-	-	3,641,009,520	3,641,009,520
<i>Sichuan Longping High-tech Seed Industry Co.,Ltd</i>	-	-	4,867,181,892	4,867,181,892
<i>Sichuan Nongda High-Tech</i>	-	-	2,274,610,950	2,274,610,950
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	60,307,725,469	60,307,725,469	45,589,971,088	45,589,971,088
b Phải trả dài hạn	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>69,781,255,318</b>	<b>69,781,255,318</b>	<b>83,679,436,281</b>	<b>83,679,436,281</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a. Phải nộp**

	Số cuối kỳ (VND)	Đầu năm (VND)
Thuế giá trị gia tăng	477,527,997	474,225,496
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,961,717,954	8,715,952,334
Thuế thu nhập cá nhân	712,663,169	4,718,273,815
Thuế đất	209,495,457	588,755,598
Thuế khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6,361,404,577</b>	<b>14,497,207,243</b>

**b. Phải thu**

	Số cuối kỳ (VND)	Đầu năm (VND)
Thuế GTGT được khấu trừ	2,841,994,042	3,177,405,967
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	24,117,484	24,117,484
<b>Cộng</b>	<b>2,866,111,526</b>	<b>3,201,523,451</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**16. Chi phí phải trả**

	<u>30/09/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
<b>a Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>6,393,642,354</b>	<b>5,160,036,059</b>
Trích trước chiết khấu thanh toán	1,545,841,581	3,452,568,712
Chi phí phải trả tiền bản quyền	1,913,725,267	
Chi phí phải trả khác	2,934,075,506	1,707,467,347
<b>b Phải trả dài hạn</b>	<b>1,690,586,542</b>	<b>1,048,438,705</b>
Phải trả dài hạn khác	1,690,586,542	1,048,438,705
<b>Cộng</b>	<b>8,084,228,896</b>	<b>6,208,474,764</b>

**17. Phải trả khác**

	<u>30/09/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Cổ tức phải trả	3,076,753,310	25,326,895,310
KPCĐ	251,567,557	128,779,423
BHXH, BHYT, BHTN	4,654,012,935	368,329,478
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sx lúa lai	-	984,550,275
Chi phí phải trả các dự án	2,134,186,950	43,074,900
Chi phí đền bù đất - DA Đồng Văn	2,847,000,000	2,847,000,000
Tạm ứng từ quỹ VBCF	-	1,416,604,000
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	1,538,309,759	1,358,000,000
Chi phí dịch vụ kỹ thuật		1,929,613,170
Thù lao HĐQT và BKS	542,767,056	803,317,056
Trợ cấp mất việc làm và các khoản trả CBCNV	12,545,871,149	
CTY CP phát triển nhà DAEWON Thủ Đức	9,526,500,000	
Chênh lệch CPSX chung giữa định mức và thực tế	5,579,734,616	
Trạm GCT Cai Lậy	2,137,201,060	
Phải trả CKTM, HTVC	12,785,256,335	
CTY TNHH phát triển nhà CANTAVIL	30,473,500,000	
Các khoản phải trả khác	4,746,600,411	2,797,616,079
<b>Cộng</b>	<b>92,839,261,138</b>	<b>38,003,779,691</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>30/09/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	273,434,000	70,730,000
<b>Cộng</b>	<b>273,434,000</b>	<b>70,730,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	(VND)						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	152,950,000,000	331,245,527,850	(20,000,000)	197,714,342,649	123,365,778,924	197,395,215,856	1,002,650,865,279
Lợi nhuận trong năm					175,205,884,386		175,205,884,386
Mua lại cổ phiếu quỹ			(20,000,000)				(20,000,000)
Phân bổ vào các quỹ				86,300,576,516	(86,300,576,516)		-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(17,385,558,270)		(17,385,558,270)
Cổ tức					(53,492,348,000)		(53,492,348,000)
Thù lao hội đồng quản trị					(1,184,840,000)		(1,184,840,000)
Sử dụng quỹ				(4,566,768,764)			(4,566,768,764)
Tặng, giảm khác				(12,661,042,969)	(311,293,617)	(2,559,233,170)	(15,531,569,756)
Số dư cuối năm trước	152,950,000,000	331,245,527,850	(40,000,000)	266,787,107,432	139,897,046,908	194,835,982,686	1,085,675,664,876

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>152,950,000,000</b>	<b>331,245,527,850</b>	<b>(40,000,000)</b>	<b>266,787,107,432</b>	<b>139,897,046,908</b>	<b>194,835,982,686</b>	<b>1,085,675,664,876</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	129,973,401,031		129,973,401,031
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-		-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	57,295,014,081	(57,295,014,081)		-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(22,895,222,224)		(22,895,222,224)
Cổ tức	-	-	-	-	(22,250,142,000)		(22,250,142,000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1,138,961,048)		(1,138,961,048)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(13,205,314,140)	-		(13,205,314,140)
Tặng, giảm khác	-	-	-	-	(750,000,000)	21,755,099,307	21,005,099,307
Lãi lỗ khi mua tăng SSC					(334,880,087)		(334,880,087)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152,950,000,000</b>	<b>331,245,527,850</b>	<b>(40,000,000)</b>	<b>310,876,807,373</b>	<b>165,206,228,499</b>	<b>216,591,081,993</b>	<b>1,176,829,645,715</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.**

	<u>30/09/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	114,712,500,000	114,712,500,000
- Vốn góp của đối tượng khác	<u>38,237,500,000</u>	<u>38,237,500,000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>152,950,000,000</u></b>	<b><u>152,950,000,000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>2017</u> (VND)	<u>2016</u> (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/09/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	15,283,528	15,283,528
- Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành phổ thông	15,283,528	15,283,528
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	11,472	11,472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Cổ tức**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>30/09/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	310,876,807,373	266,787,107,432
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b><u>310,876,807,373</u></b>	<b><u>266,787,107,432</u></b>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.**

a. Tài sản nhận giữ hộ : 48,039,500,000 đồng

b. Hàng hóa nhận giữ hộ :

c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK	EUR
Tại quỹ	9,474	22,053	1,000,000	2,170
Tại ngân hàng	35.61	71,220.21	-	

d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2,892,931,475 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

Đơn vị tính : VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1,051,829,973,396	979,575,891,540
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>3,597,584,224</u>	<u>5,121,528,509</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1,055,427,557,620</u></b>	<b><u>984,697,420,049</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Chiết khấu thương mại	37,599,224,968	23,986,134,602
Giảm giá hàng bán	2,391,172,489	1,418,751,108
Hàng bán bị trả lại	<u>36,121,840,505</u>	<u>64,312,466,375</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>76,112,237,962</u></b>	<b><u>89,717,352,085</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	625,181,527,396	583,989,728,655
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	<u>6,937,906,357</u>	<u>(2,136,995,517)</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>632,119,433,753</u></b>	<b><u>581,852,733,138</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,669,004,096	1,855,755,768
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,682,498,000	2,094,165,500
Lãi chênh lệch tỷ giá	50,089,051	1,632,898,825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>-</u>	<u>612,839,720</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7,401,591,147</u></b>	<b><u>6,195,659,813</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
Lãi tiền vay	4,378,552,136	10,347,719,913
Lỗ chênh lệch tỷ giá	939,389,400	43,506,028
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	992,619,623	(848,415,200)
Chiết khấu thanh toán	4,913,341,752	3,722,879,964
Chi phí hoạt động tài chính khác	1,299,095,132	692,312,884
<b>Cộng</b>	<b>12,522,998,043</b>	<b>13,958,003,589</b>

**6. Lợi nhuận khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
Thu nhập khác	3,307,812,367	1,754,821,911
Chi phí khác	(3,291,492,063)	(374,128,947)
<b>Cộng</b>	<b>16,320,304</b>	<b>1,380,692,964</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
<b>a. Chi phí quản lý</b>	<b>109,172,996,314</b>	<b>94,477,680,356</b>
Chi phí nhân viên	46,284,495,179	41,663,059,967
Các khoản chi phí QLDN khác	43,296,439,959	33,222,559,211
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	19,592,061,175	19,592,061,177
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>76,996,515,159</b>	<b>78,132,013,422</b>
Chi phí nhân viên	21,733,105,307	19,437,164,568
Chi phí mua ngoài (chế biến đóng gói, vận chuyển...)	31,297,710,082	25,739,740,900
Các khoản chi phí bán hàng khác	23,965,699,770	32,955,107,954

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	816,459,297,166	677,511,460,505
Chi phí nhân công	85,196,027,476	88,989,958,850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21,083,762,168	20,690,247,578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40,922,077,883	41,171,372,548
Chi phí bằng tiền khác	50,984,700,347	32,699,529,303
<b>Cộng</b>	<b>1,014,645,865,040</b>	<b>861,062,568,784</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	11,544,344,859	13,022,410,804
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	
Thuế thu nhập hoãn lại	1,794,738,217	1,431,289,470

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<u>Tại 30/09/2017</u>	<u>Tại 30/09/2016</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	128,183,619,788	107,082,433,550
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	15,283,528	15,285,953
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	8,387	7,005

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.****1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ****ĐVT : VND**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	146,945,354,000	470,184,970,404
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	205,480,452,089	301,445,377,308
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Lợi nhuận sau thuế****ĐVT : VND**

	<u>Từ 01/07/2017</u> <u>đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/07/2016</u> <u>đến 30/09/2016</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	37,762,658,116	31,557,787,500
<b>Cộng</b>	<b><u>37,762,660,133</u></b>	<b><u>31,557,789,516</u></b>

Tổng lợi nhuận sau thuế quý 3/2017 tăng 19,7% so với quý 3/2016 lý do Công ty phát triển thêm sản phẩm mới, thành lập thêm chi nhánh Hà Nội dẫn tới lợi nhuận tăng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2017

**NGƯỜI LẬP**



Nguyễn Thị Như Quỳnh

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Phan Thế Tý

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Kim Liên